**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ QUẢNG TRỊ**
**TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
ngày 26-10-2022.
'V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Nguyễn Phương Tiến.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Trần Thị Minh Phúc và bà Võ Thị Nguyệt Ánh.

***- Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Khắc Thông -Thẩm tra viên Toà án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lệ An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-DS ngày 29/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: Tòa nhà C, Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lê Hải H -Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1983, địa chỉ: Khu phố A, phường C, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị - vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn M, sinh năm 1979, địa chỉ: Khu phố A, phường C, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị - vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2022 nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/8/2016, Phòng giao dịch Ngân hàng C phê duyệt cho vay 50.000.000 đồng đối với bà Trương Thị H và người thừa kế là ông Trần Văn M (chồng bà H). Tiền vay

được giải ngân, với mục đích vay vốn để trồng rừng, thời hạn vay 60 tháng, với lãi suất 0,66%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%/tháng; Kỳ hạn trả nợ gốc 12 tháng/lần và mỗi lần là 10.000.000 đồng, tiền lãi vay được trả định kỳ hàng tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày 17/8/2021. Do ảnh hưởng dịch bệnh covid.19, gia đình bà H thuộc hộ cận nghèo làm ăn kinh tế khó khăn nên được ngân hàng C gia hạn thời hạn trả nợ từ ngày 17/8/2021 đến ngày 17/7/2023. Quá trình kiểm tra sau cho vay, cán bộ tín dụng đã phối hợp với chính quyền địa phương, Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn, Hội cựu chiến binh phường C, thị xã Quảng Trị - đơn vị nhận uỷ thác, lập biên bản về việc bà Trương Thị H không thực hiện trả nợ, trả lãi theo cam kết. Mặc dù đã được cán bộ ngân hàng đôn đốc nhắc nhỡ nhiều lần nhưng bà Hương không thực hiện trả nợ, trả lãi theo quy định. Bà Trương Thị H đã vi phạm cam kết vay vốn, dây dưa không trả nợ cho Ngân hàng C để thu hồi tài sản cho Nhà nước.

Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị giải quyết buộc bà Trương Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng C số tiền 65.150.118 đồng. Trong đó, tiền gốc: 50.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 08/7/2022 là 15.150.118 đồng và lãi phát sinh.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 26/10/2022 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nội dung cho vay tại khế ước số 6600000708172235 ký ngày 17/8/2016 giữa Ngân hàng C và bà Trương Thị H cụ thể như sau:

Tổng số tiền cho vay là 50.000.000 đồng, thuộc chương trình cho vay hộ cận nghèo, thời hạn cho vay là 60 tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày 17/8/2021; lãi trong hạn là 7,92%/năm, lãi quá hạn là 10,296%/năm, tiền lãi thu hàng tháng kể từ sau tháng nhận khoản vay đầu tiên. Kỳ hạn trả nợ gốc: Ngày 17/8/2017số tiền phải trả là 10.000.000 đồng; ngày 17/8/2018 số tiền phải trả là 10.000.000 đồng; ngày 17/8/2019 số tiền phải trả là 10.000.000 đồng; ngày 17/8/2020 số tiền phải trả là 10.000.000 đồng; ngày 17/8/2021 số tiền phải trả là 10.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay, bà Trương Thị H không trả nợ tiền gốc. Dư nợ gốc đến ngày 26/10/2022 là 50.000.000 đồng. Trong thời gian vay vốn, bà H chỉ trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 8.260.143 đồng, tính từ ngày 17/9/2016 đến ngày 17/10/2018.do đó bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc kể từ ngày 17/8/2017 và vi phạm nghĩa vụ trả lãi từ ngày 17/11/2018 cho đến ngày xét xử 26/10/2022. Tính đến ngày 26/10/2022, bà H còn nợ Ngân hàng C số tiền lãi trong hạn là 16.343.543 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trương Thị H phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ là: 66.343.543 đồng, trong đó tiền gốc là 50.000.000

đồng và tiền lãi là 16.343.543 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

Bà Trương Thị H trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, văn bản tài liệu, chứng cứ gì gửi cho Toà án.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý, xét xử vụ án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70,72,73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trương Thị H và ông Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, buộc bị đơn bà Trương Thị H phải trả cho Ngân hàng C số tiền: 66.343.543 đồng trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 16.343.543 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/10/2022).

Buộc bị đơn bà Trương Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ngân hàng C, khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M; trú tại khu phố A, phường C, thị xã Quảng Trị trả nợ khoản tiền vay; đây là quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị (Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự).

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật, nhưng phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án. Các đương sự là bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Hồ sơ vay vốn theo khế ước số: 6600000708172235 ký ngày 17/8/2016 giữa Ngân hàng C và bà Trương Thị H theo chương trình cho vay hộ cận nghèo là hợp pháp vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung cũng như các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Về khoản nợ gốc: Theo thỏa thuận trong hồ sơ khế ước vay vốn thì bị đơn phải trả số tiền gốc vào ngày17/8/2017 số tiền phải trả là 10.000.000 đồng; ngày 17/8/2018 số tiền phải trả là 10.000.000 đồng; ngày 17/8/2019 số tiền phải trả là 10.000.000 đồng; ngày 17/8/2020 số tiền phải trả là 10.000.000 đồng; ngày 17/8/2021 số tiền phải trả là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay bà Trương Thị H không trả nợ tiền gốc. Dư nợ gốc đến ngày 26/10/2022 là 50.000.000 đồng. Do đó bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc kể từ ngày 17/8/2017. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận. (Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự).

Về khoản nợ lãi: Tại khế ước số: số 6600000708172235 ký ngày 17/8/2016 thì thỏa thuận lãi trong hạn là 7,92%/năm, lãi quá hạn là 10,296%/năm. Tiền lãi thu hàng tháng kể từ sau tháng nhận khoản vay đầu tiên. Trong thời gian vay vốn, bà Trương Thị H có trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 8.260.143 đồng. Tính đến ngày 26/10/2022, bà Trương Thị H còn nợ Ngân hàng C số tiền lãi trong hạn là 16.343.543 đồng, kể từ ngày 17/11/2018, do đó bà Hương cũng vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Xét hồ sơ vay vốn được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền lãi còn nợ tính đến ngày xét xử 26/10/2022 là 16.343.543 đồng là có cơ sở.

Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc chưa trả và số tiền còn nợ lãi tính đến ngày xét xử 26/10/2022 là 66.343.543 đồng, trong đó tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 16.343.543 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

Trường hợp, bà Trương Thị H không có khả năng trả nợ cho ngân hàng thì ông Trần văn Mùi là người thừa kế trong khế ước vay vốn có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng Chính sách xã hội số tiền gốc và lãi nói trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

Buộc bà Trương Thị H phải trả cho Ngân hàng C số tiền là 66.343.543 đồng( Sáu mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng), trong đó tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/10/2022 là 16.343.543 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo kể từ ngày xét xử sơ thẩm 26/10/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án bà Trương Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong khế ước vay số: 6600000708172235 ký ngày 17/8/2016 giữa Ngân hàng chính sách xã hội và bà Trương Thị H.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Trương Thị H phải chịu 3.317.177 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. *Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy*

*định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Quảng Trị;
- Chi cục THADS thị xã Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. Tổ HCTP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Phương Tiến**